

Kết quả thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số rất ít người ở Việt Nam

Nguyễn Ngọc Thanh^(*)

Tóm Tắt: Chính sách dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, chú trọng, với ba nguyên tắc “bình đẳng”, “đoàn kết”, “tương trợ”. Ngoài chính sách chung cho 53 dân tộc thiểu số, từ năm 2010 đến nay, hệ thống chính sách bảo tồn và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người đã từng bước được xây dựng, bao phủ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tộc người. Bài viết hệ thống hóa một số chính sách, chương trình, đề án của Chính phủ, đồng thời đánh giá kết quả và hạn chế của quá trình thực hiện các chính sách trên một số lĩnh vực tại vùng dân tộc thiểu số rất ít người ở Việt Nam.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, Dân tộc thiểu số rất ít người, Chính sách, Tộc người, Việt Nam

Abstract: Ethnic policy has always been interested and focused on by the Party and the state of Vietnam, with three principles of “equality”, “unity” and “mutual assistance”. In addition to general policies for 53 ethnic minorities, from 2010 to the present, a new set of policies has been promulgated for the conservation and development of small ethnic minorities, covering all areas of their social life. The article presents a systematic overview of key policies, programs, and projects of the Government, and evaluates the results and limitations of the implementation of those policies in selected aspects.

Keywords: Ethnic Minorities, Small Ethnic Minorities, Policy, Ethnicity, Vietnam

Mở đầu

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số (DTTS). Sự đa dạng về thành phần dân tộc là một đặc trưng, một vốn quý, một ưu thế của Việt Nam so với nhiều quốc gia khác, nhất là xét trên bình diện văn hóa. Tuy nhiên, đa dạng dân tộc và các đặc điểm đi kèm với nó cũng đặt ra những thách thức nhất định cho công cuộc phát triển cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, nhất là ở vấn đề chênh lệch

nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc, các vùng miền.

Trong 53 DTTS ở Việt Nam, có 16 dân tộc được xếp vào nhóm có dân số rất ít người (dân số dân tộc dưới 10.000 người), gồm: Ngái, La Ha, La Hủ, Lự, Lô Lô, Chứt, Mảng, Pà Thẻn, Cơ Lao, Cống, Bố Y, Si La, Pu Páo, Brâu, Ô-đu, Rơ-măm, với tổng dân số là 55.081 người, địa bàn cư trú chủ yếu là khu vực miền núi 12 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kon Tum... Phần lớn các DTTS rất ít người phân bố ở những

^(*) PGS.TS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: thanhvdth@gmail.com

địa bàn xa xôi, hẻo lánh, địa hình hiểm trở, cách xa đô thị, cách xa đồng bằng..., đối mặt với tình trạng đói nghèo, thất học, chăm sóc sức khỏe hạn chế và điều kiện sinh hoạt không đảm bảo, chưa kể đến việc dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai (Nguyễn Ngọc Thanh, 2019: 12).

Từ giữa thế kỷ XX đến nay, Đảng và Nhà nước đã từng bước xây dựng khung chính sách dân tộc được đánh giá là tiến bộ cả về quan điểm lẫn hành động, với ba nguyên tắc “bình đẳng”, “đoàn kết”, “tương trợ”, và phương châm là “không dân tộc nào bị bỏ lại phía sau”. Cùng với đó, nhiều chính sách, chương trình, đề án đã từng bước làm thay đổi diện mạo vùng đồng bào DTTS rất ít người.

1. Các chính sách, đề án của Chính phủ

Đối với các DTTS rất ít người, một số đề án đã được Chính phủ phê duyệt đưa vào thực hiện như: Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển Giáo dục đối với các DTTS rất ít người giai đoạn 2010-2015”; Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 26/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển Văn hóa các DTTS Việt Nam đến năm 2020”; Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc: Mảng, La Hủ, Cống, Cơ Lao”; Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/5/2017 Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành 6 dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 cho 5 dân tộc có số dân dưới 1.000 người, gồm: Si La (Điện Biên và Lai Châu), Pu Páo (Hà Giang), Ô-đu (Nghệ An), Brâu, Rơ-măm (Kon Tum), trên

địa bàn 13 thôn, bản, với tổng kinh phí đầu tư hàng nghìn tỷ đồng.

Giai đoạn 2016 -2025, Chính phủ phê duyệt Chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các DTTS rất ít người với các nội dung: Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng các thôn, bản; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa đặc sắc của mỗi dân tộc; thực hiện các chính sách về giáo dục, y tế; đào tạo, sử dụng cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị ở thôn, bản vững mạnh; thực hiện hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho 16 DTTS rất ít người ở 194 thôn, bản trên địa bàn 93 xã thuộc 37 huyện của 12 tỉnh (Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

Gần đây, Ủy ban Dân tộc đã xây dựng Dự án “Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn” trong khuôn khổ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Dự án là sự tích hợp Quyết định số 1672/QĐ-TTg và Quyết định số 2086/QĐ-TTg. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và phát triển các DTTS rất ít người giai đoạn 2021-2030” với mục tiêu duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các DTTS rất ít người; xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần một cách bền vững nhằm giảm dần sự chênh lệch về khoảng cách phát triển giữa các DTTS rất ít người với các DTTS khác trong vùng; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các thôn; góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân (Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 10/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Các chính sách của Chính phủ đối với DTTS rất ít người tập trung vào một số lĩnh vực như sau: Phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; Xây dựng cơ sở hạ tầng, chú

trọng điện, đường, trường, trạm, nước sinh hoạt, hỗ trợ xây dựng nhà cộng đồng thôn bản; Chống suy dinh dưỡng trẻ em; Phát triển giáo dục; Đào tạo đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

Trước năm 2016, các chính sách dân tộc ở vùng DTTS nói chung, DTTS rất ít người nói riêng còn chồng chéo, nhiều đầu mối chỉ đạo, nguồn lực phân tán, nên việc thực hiện chính sách gặp nhiều khó khăn. Từ giai đoạn 2016-2020, Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành tích hợp, lồng ghép các chương trình, chính sách có cùng mục tiêu, đối tượng, địa bàn thành các chương trình, chính sách lớn nhằm tập trung nguồn lực, đảm bảo thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Nhờ đó, vùng DTTS rất ít người có những thay đổi cơ bản, nông thôn miền núi ngày một khởi sắc.

2. Kết quả thực hiện chính sách ở một số lĩnh vực

2.1. Về cơ sở hạ tầng

Các địa phương đã triển khai đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu như: điện, đường giao thông, nước sinh hoạt, nhà sinh hoạt cộng đồng, thủy lợi, cầu treo... Cụ thể, tỉnh Hà Giang đã đầu tư xây dựng 26 công trình, tỉnh Lai Châu 01 công trình thủy lợi, tỉnh Điện Biên 02 công trình cầu treo... Các công trình giao thông nông thôn ở vùng DTTS rất ít người đã giúp đồng bào đi lại thuận tiện, đồng thời tăng cường kết nối giao thương với tỉnh lỵ, thúc đẩy phát triển sản xuất. Các dự án đã hỗ trợ người dân làm nhà vệ sinh, chuồng trại cho gần 2.500 hộ; mua giống, vật nuôi, vật tư sản xuất cho gần 8.000 lượt hộ; xóa nhà tạm cho gần 2.000 hộ với mức hỗ trợ bình quân 15 triệu đồng/hộ và các nội dung hỗ trợ khác trị giá 582 triệu đồng (Nguyễn Quốc Đoàn, 2020: 17). Nhờ thực hiện các chương trình, đề án, nên mức sống dân cư cũng có những thay

đổi đáng kể, tỷ lệ hộ ở nhà kiên cố và bán kiên cố ở các dân tộc khá cao: dân tộc Ngái là 96,5%; La Ha 54,2%; La Hủ 21,8%; Lự 80,4; Lô Lô 65,8%; Chứt 54,3%; Mảng 62,5%; Pà Thẻn 53,0%; Cơ Lao 60,1%; Cống (48,8%; Bô Y 74,3%; Si La 85,5%; Pu Páo 79,6%; Brâu 76,9%; Ô-đu 80,6%; Rơ Măm 87,9% (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020a).

Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới để thắp sáng cũng khá cao, cụ thể: dân tộc Ngái là 98,9%; La Ha 96,4%; La Hủ 82,9%; Lự 99,4; Lô Lô 76,3%; Chứt 85%; Mảng 80,1%; Pà Thẻn 89,5%; Cơ Lao 84,7%; Cống 95,9%; Bô Y 99,4%; Pu Páo 98,6%; Rơ Măm 98,4%; ở các dân tộc Si La, Brâu, Ô-đu đều là 100% (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020a).

Việc đảm bảo nước sạch và môi trường sinh thái vùng DTTS và miền núi được thực hiện qua chương trình quốc gia về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn cũng đạt nhiều kết quả, đến năm 2015 đã xây dựng trên 2 triệu công trình cung cấp nước sạch tập trung, hỗ trợ phân tán cho gần 50 nghìn hộ DTTS, góp phần tăng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 85% (Phạm Thị Phương Thái, 2020: 227). Riêng ở các DTTS rất ít người, tỷ lệ hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh cao nhất là các dân tộc Lự (96,3%), Ô-đu (95%), Bô Y (94,7%); thấp nhất là các dân tộc Chứt (39,2%), Cống (43,5%) (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020a).

2.2. Về kinh tế

Nhờ thực hiện các chương trình, đề án, đời sống kinh tế của đồng bào từng bước được cải thiện. Trước năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo ở các DTTS rất ít người khá cao, khoảng trên 80%. Từ năm 2011-2019, thông qua thực hiện các chương trình, đề án của Chính phủ, tỷ lệ hộ nghèo ở các dân tộc này giảm đáng kể: dân tộc Ngái là 4,7%; La

Ha 48,8%; La Hủ 74,4%; Lự 17,9%; Lô Lô 53,9%; Chứt 60,6%; Mảng 66,3%; Pà Thẻn 50,2%; Cơ Lao 29,6%; Cống 54%; Bô Y 14,7%; Si La 34,4%; Pu Páo 12,1%; Brâu 6,1%; Ô-đu 56,7%; Rơ-măm 33,3% (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020a).

2.3. Về giáo dục

Tỷ lệ trẻ em đi học đúng tuổi cấp tiểu học của 53 DTTS đạt 96,9% (Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020b: 74). Đặc biệt, ở một số DTTS rất ít người như Mảng, Rơ-măm, Brâu, Ô-đu nếu như trước năm 2010 rất khó tuyển sinh học sinh cử tuyển (Nguyễn Ngọc Thanh, 2012: 206)..., thì từ năm 2010-2015 đã có 34 học sinh đi học theo diện cử tuyển, gồm: Brâu 1; Rơ-măm 4; Mảng 4; Si La 5; Ô-đu 20 (Phạm Thị Phương Thái, 2020: 234).

Có thể thấy, chính sách giáo dục cho con em đồng bào DTTS nói chung, trong đó có các DTTS rất ít người đã và đang phát huy tác dụng, huy động hầu hết trẻ em trong độ tuổi đến trường, học sinh DTTS được học tiếng phổ thông, học văn hóa, được giao lưu và tiếp cận thông tin, khoa học kỹ thuật. Mặc dù vậy, chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, tỷ lệ người chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông còn cao, chất lượng nguồn nhân lực thấp chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.4. Về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống

Bảo tồn văn hóa được lồng ghép trong các chính sách cũng đã đạt được những kết quả nhất định. Hầu hết các xã vùng DTTS rất ít người đều có nhà văn hóa, nhiều thôn bản có nhà sinh hoạt cộng đồng... Ở một số địa phương bước đầu đã có những hoạt động khôi phục, bảo tồn trang phục, nhạc cụ, xây dựng đội văn nghệ truyền thống, chẳng hạn: Hỗ trợ người dân khôi phục, sản xuất nhạc cụ, trang phục truyền thống

tại 89 bản, cấp trang thiết bị cho 19 nhà sinh hoạt cộng đồng tại 19 bản; hỗ trợ duy trì 271 đội văn nghệ thôn bản; sản xuất các chương trình truyền hình về dân tộc Cống, Mảng, La Hủ, Cơ Lao (Phạm Thị Phương Thái, 2020: 223). Bên cạnh đó, một số mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa đã được triển khai có hiệu quả ở một số dân tộc.

Nhìn chung, các chính sách về bảo tồn và phát triển văn hóa các DTTS rất ít người đã góp phần tăng cường thiết chế văn hóa, khôi phục bản sắc văn hóa tộc người đang có nguy cơ mai một...

3. Một số hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách ở các dân tộc thiểu số rất ít người

(i) Mặc dù đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư phát triển và đạt được một số kết quả nhất định, nhưng kinh tế và đời sống của các DTTS rất ít người vẫn còn rất khó khăn. Trong 16 DTTS rất ít người thì 10 dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 30% (Xem: Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê, 2020a).

(ii) Chất lượng giáo dục ở vùng DTTS rất ít người đã được nâng lên nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung cả nước, tỷ lệ học sinh đi học ở các bậc học còn chưa cao: tỷ lệ trẻ em đến trường ở lứa tuổi tiểu học là 60,81%, trung học cơ sở là 32,2%, trung học phổ thông chỉ có 6,98%. Đội ngũ cán bộ người DTTS rất ít người thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, nhất là cán bộ các ngành khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục.

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, chưa gắn với đầu ra, nhu cầu của xã hội, không phù hợp với tập quán, văn hóa của đồng bào. Chính sách về việc làm đối với DTTS rất ít người còn thiếu đồng bộ, trong đó tình trạng thanh niên thiếu việc làm đang là vấn đề bức xúc.

(iii) Về văn hóa, công tác bảo tồn và gìn giữ văn hóa truyền thống đã có sự chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều thách thức đáng lo ngại, đó là sự mai một bản sắc văn hóa truyền thống các DTTS (pha tạp, biến đổi, mất dần ngôn ngữ mẹ đẻ...) đang ngày càng diễn ra ở nhiều chiều cạnh khác nhau, tỷ lệ đồng bào DTTS rất ít người biết về văn hóa truyền thống của tộc người khá thấp (Bảng 1).

Bảng 1: Tỷ lệ biết về văn hóa truyền thống của tộc người ở các DTTS rất ít người

Đơn vị: %

Dân tộc	Văn hóa truyền thống		
	Tỷ lệ biết múa điệu múa truyền thống	Tỷ lệ biết hát bài hát truyền thống	Tỷ lệ biết sử dụng nhạc cụ truyền thống
Ngái	0,5	0,4	0,3
La La	6,8	0,8	0,5
La Hủ	2,0	1,5	0,5
Lự	14,8	3,4	1,6
Lô Lô	2,8	4,0	0,2
Chứt	0,3	0,2	0,1
Mảng	5,5	0,5	0,1
Pà Thên	12,1	10,3	0,1
Cơ Lao	3,6	6,3	0,4
Cống	9,6	1,0	0,2
Bố Y	1,4	6,2	0,9
Sì La	6,6	2,0	0,1
Pu Péo	3,9	7,0	0,4
Brâu	13,7	-	0,7
Ở-đu	21,8	0,3	1,1
Rơ-măm	47,9	0,2	1,1

Nguồn: Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê (2020).

Thực tế này không đơn thuần chỉ là tình trạng mai một bản sắc văn hóa tộc người, mà kết hợp với các tác động khác có thể dẫn đến nguy cơ không còn sự hiện diện của văn hóa một số tộc người thiểu số trong

tương lai (Nguyễn Ngọc Thanh, 2020: 26).

(iv) Nhìn chung, các chính sách, dự án hỗ trợ phát triển DTTS rất ít người chủ yếu cung cấp vốn đầu tư qua các nguồn kinh phí khác nhau (Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương) nhằm đạt được mục tiêu cụ thể trong một thời gian ngắn¹. Các dự án này chủ yếu cung cấp vốn đầu tư và cứu trợ. Trên thực tế, không thấy có triết lý phát triển bền vững vùng DTTS rất ít người làm cơ sở cho các giải pháp, cũng không thấy các giải pháp cụ thể và lực lượng thực thi đề án cụ thể nhằm đạt được mục tiêu. Trong khi các đề án phát triển DTTS rất ít người cần cụ thể hóa các chính sách đặc thù, nhưng trên thực tế vẫn được thực hiện thông qua bộ máy hành chính các cấp địa phương, giống như mọi dự án thông thường khác (Nguyễn Văn Chính, 2019: 309).

(vi) Địa bàn sinh sống của đồng bào DTTS rất ít người chủ yếu là vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn rất thấp; tập quán sinh hoạt, sản xuất lạc hậu. Tuy nhiên, các đề án đặc thù về đầu tư cơ sở hạ tầng, giáo dục đào tạo, bảo tồn giá trị văn hóa của đồng bào DTTS rất ít người thiếu sự quan tâm đến

¹ Các chính sách hỗ trợ chỉ giải quyết tình thế, chưa phải là đầu tư phát triển để khai thác thế mạnh. Chưa có chính sách khuyến khích đồng bào vươn lên thoát nghèo bền vững, còn một số chính sách nặng về cho không. Các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất mới chỉ tính đến ngắn hạn như hỗ trợ cấp đất ở và đất sản xuất, hỗ trợ cấp kinh phí xây dựng và sửa chữa nhà cửa, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng... mà chưa tính đến những hỗ trợ lâu dài để người dân có thể ổn định đời sống như khuyến nông, thông tin thị trường (Xem: Nguyễn Bích Ngọc, Đỗ Quyên, 2015).

các đặc thù này¹.

(v) Việc hoạch định chính sách chưa bám sát đặc thù của từng vùng, từng dân tộc. Các yếu tố không gian sinh tồn, sinh kế truyền thống, tập quán chăn nuôi, canh tác của từng dân tộc dường như chưa được chú trọng đúng mức. Do đó, hệ thống chính sách dàn trải, cào bằng, rập khuôn, thiếu thực tế, thiếu phù hợp, dẫn đến khó thực thi, hiệu quả chưa cao (Phạm Thị Phương Thái, 2020: 289).

Những hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân. Về khách quan, địa bàn cư trú các DTTS rất ít người có địa hình hiểm trở, chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu diễn biến phức tạp, thiên tai thường hay xảy ra gây hậu quả lớn. Kinh tế - xã hội có điểm xuất phát thấp, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực thấp. Về chủ quan, nhận thức của một số cán bộ các ngành, các cấp về công tác dân tộc, về phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS nói chung chưa sâu sắc, toàn diện. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương đôi khi chưa chặt chẽ, thiếu nhất quán trong xây dựng, sửa đổi, bổ sung đề án chính sách, phân bổ nguồn lực và chỉ đạo thực hiện chính sách.

Một số bộ, ngành, địa phương chỉ đạo điều hành thực hiện pháp luật và chính sách hiện hành của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS thiếu quyết liệt; không đi sâu đi sát cơ sở để nắm tình hình; chưa thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các chính sách, chương trình, dự án đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách

dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ Trung ương đến cơ sở chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, không ổn định. Năng lực, trình độ của một số cán bộ làm công tác dân tộc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (Học viện Dân tộc, 2020: 84).

4. Một số đề xuất rút ra từ nghiên cứu

Trước thực tế đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào DTTS rất ít người còn khó khăn, để chính sách đến với đồng bào hiệu quả, cần quan tâm tới ba yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau, cụ thể là:

** Phát triển đời sống kinh tế - xã hội tộc người*

Chính phủ cần tập trung nguồn vốn đầu tư hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu như mạng lưới giao thông liên bản, liên xã, liên huyện để kết nối địa bàn đồng bào DTTS rất ít người với các vùng kinh tế khác, nhất là các tuyến đường giao thông kết nối liên vùng sản xuất hàng hóa. Các công trình nước sinh hoạt, chợ, trường học, trạm y tế và nhà văn hóa phải được kiên cố hóa (Nguyễn Quốc Đoàn, 2020: 20).

Sắp xếp, ổn định dân cư, định canh, định cư, nhất là các hộ nằm trong vùng ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, thành các bản làng tập trung. Rà soát, lồng ghép, sửa đổi, bổ sung chính sách, nâng cao hiệu quả các dự án, chương trình đầu tư cho vùng DTTS rất ít người. Các địa phương tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan nghiên cứu chuyên ngành khảo sát, quy hoạch, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp gắn với thị trường, kết hợp với chuyển giao khoa học kỹ thuật cho đồng bào.

** Bảo tồn và phát triển dân số tộc người*

Khi bàn đến bảo tồn các DTTS rất ít người, nhất thiết phải tính đến cả hai khía cạnh: sinh học và xã hội - văn hóa. Ở bất cứ

¹ Nguồn kinh phí bố trí cho các dự án chậm chạp, vốn để thực hiện chính sách theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg gần hết thời hạn hiệu thực hiện nhưng vẫn chưa có tiền. Các địa phương đã được phê duyệt đề án nhưng vẫn phải “ngồi chờ” (Sỹ Hào, 2018), ảnh hưởng đến lòng tin của đồng bào.

trường hợp nào, dân số hiện hữu của một tộc người là chỉ báo xác đáng nhất cho sự tồn tại của tộc người đó. Quy mô dân số vừa đủ và ổn định là điều kiện rất quan trọng để duy trì sự tồn tại của tộc người, bên cạnh đó còn có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề bảo lưu hoặc lan tỏa văn hóa.

Phát triển dân số tộc người thường gắn với các biện pháp khuyến khích sinh sản. Điểm thuận lợi trong bảo tồn và phát triển dân số các DTTS rất ít người ở Việt Nam là hầu hết các dân tộc này đều có mức sinh trung bình cao hơn mức sinh thay thế. Tuy nhiên, thể chất, giống nòi có tác động đến số lượng dân số của cộng đồng. Vì vậy, với 5 dân tộc thuộc diện bảo tồn khẩn cấp về dân số là Si La, Pu Péo, Ô-đu, Brâu, Rơ-măm, tình hình dân số có thể cải thiện mà không nhất thiết phải khuyến khích phụ nữ sinh thêm con, đơn giản chỉ là thực hiện các biện pháp giúp giảm tỷ lệ tử vong nói chung, đặc biệt là tỷ lệ tử vong ở trẻ em. Chính sách bảo tồn và phát triển dân số tộc người có thể chuyển trọng tâm từ vấn đề khuyến khích sinh sản sang vấn đề phát triển y tế cộng đồng, tức là nâng cao chất lượng dân số.

** Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người*

Cùng với dân số, văn hóa là một trong hai trọng tâm của khía cạnh bảo tồn tộc người, vì văn hóa là một trong những thành tố quan trọng hình thành nên đặc trưng dân tộc/tộc người. Sự cần thiết phải bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dựa trên quan điểm cho rằng các giá trị này đang bị biến mất rất nhanh trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa. Việc bảo tồn và phát huy cần tập trung vào những giá trị mang ý nghĩa bản sắc, độc đáo của riêng tộc người, tránh sự đầu tư dàn trải, không đúng trọng tâm. Phải xác định đúng các giá trị cốt lõi, là nền

tảng cho cả hệ thống và có giá trị cho phát triển. Bản sắc của mỗi dân tộc là khác nhau, cho nên về mặt lý thuyết, các giá trị cốt lõi là không đồng nhất và đòi hỏi các phương pháp tác động khác nhau.

Khi nhận diện được khía cạnh trọng tâm cần bảo tồn, cần thực hiện chuỗi các hành động tiếp theo, bao gồm cả việc lôi kéo, thuyết phục cộng đồng cùng hành động. Yếu tố chuyên môn, đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm nghề nghiệp của người được giao nhiệm vụ đánh giá các giá trị văn hóa có vai trò vô cùng quan trọng trong công tác bảo tồn.

Nhìn chung, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người tại Việt Nam thường tiếp cận ở dạng thức văn hóa, gồm hai bình diện: vật thể (gồm: nhà cửa, trang phục, ẩm thực, nhạc cụ, phương tiện sản xuất, đi lại...) và phi vật thể (gồm: phong tục, tập quán, tri thức địa phương, tổ chức xã hội, lễ hội, văn học, nghệ thuật dân gian). Ngôn ngữ thường được nhắc đến như một lĩnh vực đặc thù đã có chính sách riêng (mặc dù có thể xếp vào văn hóa phi vật thể). Để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các tộc người này, phải xác định được các lĩnh vực, yếu tố cần ưu tiên bảo tồn khẩn cấp, đồng thời đánh giá được việc đáp ứng các nhu cầu và sự tham gia của người dân về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của chính họ theo quan điểm lý thuyết tương đối văn hóa, phát triển bền vững về văn hóa. Nghiên cứu giải pháp cần tập trung vào việc làm thế nào để người dân có thể tiếp cận các nguồn lực từ những chương trình văn hóa được giới thiệu đến, cũng như quyền của họ đối với các phương tiện hay môi trường nền tảng cho sự đảm bảo, duy trì các yếu tố truyền thống (ví dụ như rừng, thiết chế nhà cộng đồng, luật tục).

Kết luận

Về cơ bản, các chính sách, chương trình, đề án đối với DTTS rất ít người ở Việt Nam đều mang lại hiệu quả tích cực. Qua quá trình thực hiện chính sách, cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội vùng DTTS rất ít người được từng bước cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm, điều kiện nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào bước đầu được đảm bảo. Tuy nhiên, các chính sách, chương trình, đề án chỉ mang tính chất hỗ trợ, mục đích cải thiện đời sống của các dân tộc này chưa giải quyết được tận gốc của vấn đề, điều này tạo ra một số tác động không mong muốn đối với các dân tộc thụ hưởng chính sách □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Chính (2019), “Hỗ trợ phát triển và bảo tồn văn hóa các dân tộc rất ít người”, trong: *Một số vấn đề về tộc người và chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Quốc Đoàn (2020), “Chính sách đầu tư đối với đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người”, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 9.
3. Nguyễn Thanh Hưng (2020), “Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người trên địa bàn huyện Ngọc Hồi”, trang tin điện tử Ban Dân tộc Kon Tum ngày 31/8/2020, <http://www.bandantoc.kontum.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/Ket-qua-thuc-hien-cac-chuong-trinh,-chinh-sach-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-dan-toc-thieu-so-rat-it-nguoi-tren-dia-ban-huyen-Ngoc-Hoi-953>, truy cập ngày 12/9/2022.
4. Nguyễn Bích Ngọc, Đỗ Quyên (2015), “Đánh giá thực trạng chính sách an sinh xã hội đối với dân tộc thiểu số ở Việt Nam”, trang web Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 16/7/2015, <http://ilssa.org.vn/vi/news/danh-gia-thuc-trang-chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-doi-voi-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-93> truy cập ngày 13/9/2022.
5. Phạm Thị Phương Thái (chủ nhiệm đề tài, 2020), *Những giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách bảo tồn phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay*, Đề tài thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 -2020: “Những vấn đề cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, Mã số: CTDT.42.18/16-20.
6. Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2012), *Một số vấn đề về Chính sách Giáo dục ở vùng cao miền núi phía Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Thanh (2019), “Bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số rất ít người, thực trạng và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 3 (43).
8. Quang Tuấn (2022), “Chính sách đặc thù hỗ trợ đồng bào các dân tộc thiểu số rất ít người cải thiện cuộc sống”, *Tạp chí Lao động & xã hội online* ngày 29/5/2021, <http://laodongxahoi.net/chinh-sach-dac-thu-ho-tro-dong-bao-cac-dan-toc-thieu-so-rat-it-nguoi-cai-thien-cuoc-song-1318737.html>, truy cập ngày 13/09/2022.
9. Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê (2020 a), *Đặc trưng cơ bản của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
10. Ủy ban Dân tộc - Tổng cục Thống kê (2020b), *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.